

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
 - Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học FPT
 - Tên giao dịch quốc tế: FPT University
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
 - Địa chỉ trụ sở chính: Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;
 - Các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục:
 - + Phân hiệu Trường Đại học FPT tại Thành phố Hồ Chí Minh: Khu giáo dục Đại học – Cao đẳng thuộc Khu đô thị Tây Bắc, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng: Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;
 - + Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ: Số 600 Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
 - + Phân hiệu Trường Đại học FPT tại tỉnh Bình Định: Khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Nhơn Bình & phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
 - Điện thoại: (024) 7300 5588;
 - Địa chỉ thư điện tử: vpfeho@fe.edu.vn;
 - Cổng thông tin điện tử: <https://daihoc.fpt.edu.vn>
3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
 - Loại hình của cơ sở giáo dục: Tự thực;
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công ty TNHH Giáo dục FPT, doanh nghiệp hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, được sở hữu 100% vốn bởi Công ty Cổ phần FPT.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho đông đảo người học, góp phần mở mang bờ cõi trí tuệ đất nước;

- Tầm nhìn: Được thể hiện trong từ khoá iGSM –[Industry Relevant –Global –Smart Education –Mega]. Trở thành một hệ thống giáo dục Mega mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất;

- Mục tiêu: Trường Đại học FPT hướng tới làm được 5 việc: (1) đào tạo tốt, (2) quan hệ doanh nghiệp tốt, (3) quốc tế hóa - toàn cầu hóa tốt (4) Nghiên cứu khoa học tốt, (5) trách nhiệm xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học FPT thành lập tháng 9/2006 với 100% vốn đầu tư từ Công ty Cổ phần FPT, công ty tiên phong chuyển đổi số và dẫn đầu về tư vấn, cung cấp, triển khai các dịch vụ, giải pháp công nghệ - viễn thông.

Trải qua gần 19 năm hình thành - phát triển, Trường Đại học FPT hiện có 5 cơ sở đào tạo đại học gồm trụ sở chính tại Khu CNC Hòa Lạc, Hà Nội; các phân hiệu tại TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ và tỉnh Bình Định.

Với lợi thế thuộc Công ty Cổ phần FPT, Trường Đại học FPT thừa hưởng các lợi thế về thương hiệu, đầu tư, việc làm, quan hệ doanh nghiệp. Trường tận dụng được cơ sở vật chất của các công ty thành viên như phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người liên hệ: Bà Vũ Thu Hiền

Chức vụ: Chánh Văn phòng Trường Đại học FPT

Địa chỉ: Khu GD&ĐT, khu CNC Hoà Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Điện thoại: 0968699845, email: hienvt2@fe.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định thành lập: Quyết định số 208/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học FPT.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường:

+ Quyết định số 27/QĐ-CTGDFPT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc công nhận Danh sách Hội đồng trường Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

+ Quyết định số 60/QĐ-CTGDFPT ngày 21 tháng 04 năm 2023 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc công nhận danh sách bổ sung Hội đồng trường Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1.	Lê Trường Tùng	Nam	Chủ tịch	Chủ tịch Hội đồng trường
2.	Nguyễn Khắc Thành	Nam	Phó Chủ tịch	Phó Chủ tịch Hội đồng trường Hiệu trưởng
3.	Hoàng Nam Tiến	Nam	Phó Chủ tịch	Phó Chủ tịch Hội đồng Trường
4.	Nguyễn Thành Nam	Nam	Phó Chủ tịch	Phó Chủ tịch Hội đồng trường
5.	Trương Gia Bình	Nam	Ủy viên	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FPT
6.	Bùi Quang Ngọc	Nam	Ủy viên	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FPT
7.	Nguyễn Kim Ánh	Nữ	Ủy viên	Phó Hiệu trưởng
8.	Trần Ngọc Tuấn	Nam	Ủy viên	Phó Hiệu trưởng
9.	Phan Trường Lâm	Nam	Ủy viên	Trưởng Ban Đào tạo

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

- Quyết định công nhận Hiệu trưởng: Quyết định số 29/QĐ-CTGDFPT ngày 23/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 1555/QĐ-ĐHFPT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

+ Quyết định số 1556/QĐ-ĐHFPT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

+ Quyết định số 1557/QĐ-ĐHFPT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

+ Quyết định số 1558/QĐ-ĐHFPT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH Giáo dục FPT về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT khóa IV, nhiệm kỳ 2022 – 2026;

- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc:

+ Quyết định số 1560/QĐ-ĐHFPT ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc bổ nhiệm Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học FPT tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 649/QĐ-ĐHFPT ngày 21/6/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc bổ nhiệm Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng;

+ Quyết định số 407/QĐ-ĐHFPT ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc bổ nhiệm Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ;

+ Quyết định số 650/QĐ-ĐHFPT ngày 21/6/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc bổ nhiệm Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học FPT tại tỉnh Bình Định;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Trường Đại học FPT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động từ những ngày đầu mới thành lập và có sửa đổi bổ sung khi có thay đổi. Quy chế tổ chức và hoạt động gần đây nhất của Trường được ban hành theo Quyết định số 1177/QĐ-ĐHFPT ngày 09/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT.

- Sơ đồ bộ máy tổ chức của Trường Đại học FPT gồm:

+ Hội đồng trường đại học (sau đây gọi là Hội đồng trường);

+ Ban Giám hiệu;

+ Hội đồng khoa học và đào tạo;

+ Các ban, phòng chức năng;

+ Phân hiệu, các tổ chức khoa học và công nghệ như Viện, Trung tâm, các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ;

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; các đoàn thể và tổ chức xã hội.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên (người học/giảng viên)	26,31	22,92
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98,37 %	71,83 %
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	17,04 %	16,48 %

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	1.714	68	1.354	292	15	1
1.1	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	1.112	68	907	137	6	N/A
1.2	Lĩnh vực Nghệ thuật	42	N/A	38	4	N/A	N/A
1.3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	446	N/A	315	131	9	N/A
1.4	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	56	N/A	47	9	N/A	N/A
1.5	Lĩnh vực Nhân văn	58	N/A	47	11	N/A	N/A
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	1.675	68	1.347	260	7	N/A
2.1	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	1.100	68	901	131	4	N/A
2.2	Lĩnh vực Nghệ thuật	41	N/A	38	3	N/A	N/A
2.3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	422	N/A	315	107	3	N/A
2.4	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	55	N/A	47	8	N/A	N/A
2.5	Lĩnh vực Nhân văn	57	N/A	46	11	N/A	N/A

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	05	05
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	1.166	1.094
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	68,3%	64,2%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m ²)	10,63	12,19
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3,76	3,31
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	79,28%	79,37%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	1.788,83	2.828,31
5	Số bản sách/người học	238,93	165,78
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	93,76%	94,12%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	571,8	588

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính: Trường Đại học FPT	Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	286.713	55.093
2	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Hồ Chí Minh	Lô E2a-7, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	22.540	20.585

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
3	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Đà Nẵng	Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.	50.233	36.882
4	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ	Số 600 Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	51.749	41.339
5	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại tỉnh Bình Định	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Nhơn Bình & phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	57.308	24.625
Tổng cộng			468.543	178.524

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (đồng)
1	San nền, xây dựng hàng rào cố định	Trường Đại học FPT, Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	38.496.537.000
2	Chuyển đổi điểm đấu nối điện trung thế	Trường Đại học FPT, Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	1.563.812.000
3	Nâng cấp đấu nối hệ thống thoát nước mưa dự án, Cải tạo hạ tầng cảnh quan khuôn viên trường	Trường Đại học FPT, Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	2.373.946.000
Tổng cộng			42.434.295.000

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành

- Mức độ đạt kiểm định: 4,72; 4,49; 4,64; 4,65

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 10 tháng 7 năm 2024 đến ngày 09 tháng 7 năm 2029

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7480201	Công nghệ thông tin	Chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy ngành Công nghệ thông tin	Agency for Quality Assurance through Accreditation of Study Programs (AQAS)	26/02/2024 – 31/3/2030
2	7340101	Quản trị kinh doanh	Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh	Accreditation Council for Business Schools and Programs (ACBSP)	21/11/2019 – 21/11/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá (đơn vị: %)	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	78	84,39
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	116,40	42,03
3	Tỷ lệ thôi học	3,8	5,31
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	3,66	4,98
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	51,8	60,15
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	34,4	30,29
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	96,5	96,17
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	79	74,78

TT	Chỉ số đánh giá (đơn vị: %)	Năm 2024	Năm 2023
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	95,1	83,74

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	51.038	14.023	5.984	97,6%
1	Nghệ thuật	434	354	151	97%
2	Nhân văn	1.692	364	265	97,9%
3	Báo chí và thông tin	793	430	86	94,2%
4	Kinh doanh và quản lý	16.195	4.285	2.240	98,5%
5	Máy tính và công nghệ thông tin	31.924	8.590	3.242	97,1%
II	Thạc sĩ	1.189	694	245	N/A
1	Kinh doanh và quản lý	874	511	213	N/A
2	Máy tính và công nghệ thông tin	315	183	32	N/A

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	N/A	N/A
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,4	0,42
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	N/A	N/A

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2024

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	N/A	N/A
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	02	1.910.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	18	1.668.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	N/A	N/A
5	Đề tài hợp tác quốc tế	01	260.175.000
	Tổng số	21	3.838.175.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2024	2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	144	124
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	595	573
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	3	5
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	N/A	N/A
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	N/A	N/A

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	26,87%	26,01%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	17,48%	10,27%

2. Kết quả thu chi hoạt động (Đơn vị tính: Tỷ đồng)¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	4.376,83	3.887,81
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	N/A	N/A
II	Thu giáo dục và đào tạo	4.342,89	3.880,71
1	Học phí, lệ phí từ người học	3.115,74	2.922,81
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	N/A	N/A
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	106,14	83,87
4	Thu khác	1.121,01	874,04
III	Thu khoa học và công nghệ	1,59	0,74
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	N/A	N/A
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0,96	0,54
3	Thu khác	0,64	0,20
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	32,34	6,36
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	3.154,88	2.760,98
I	Chi lương, thu nhập	1.162,34	1.093,13
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	676,12	582,45
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	486,22	510,68
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.674,93	1.323,34
1	Chi cho đào tạo	726,68	653,27
2	Chi cho nghiên cứu	116,09	111,13
3	Chi cho phát triển đội ngũ	41,47	30,64
4	Chi phí chung và chi khác	790,69	528,30
III	Chi hỗ trợ người học	321,33	314,24

10
GIÁO

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	229,13	232,46
2	Chi hoạt động nghiên cứu	17,05	11,83
3	Chi hoạt động khác	75,15	69,96
IV	Chi khác	222,22	259,80
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	1.221,95	1.126,83

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Bên cạnh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển cơ sở vật chất, Trường Đại học FPT chú trọng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng toàn diện, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và hệ sinh thái giáo dục quốc gia.

1. Đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục:

- Triển khai kiểm định cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với kết quả V1: 4,56; 4,03; 4,32; 4,52 (năm 2019) và V2: 4,72; 4,49; 4,64; 4,65 (năm 2024).

- Triển khai kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế (AQAS cho Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ thông tin, ACBSP cho Chương trình đào tạo cử nhân và thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh).

- Triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong theo tiêu chuẩn ISO 21001:2018.

2. Chuyển đổi số và quản trị đại học hiện đại:

- Triển khai hệ thống quản trị tích hợp ERP, SIS, LMS, CRM, HRM trên toàn trường.

- Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ cố vấn học tập và cá nhân hóa quá trình học tập.

- Phát triển nền tảng học tập số Coursera, EduNext và hệ thống thi trực tuyến đảm bảo chất lượng.

3. Hợp tác quốc tế và hội nhập:

- Mở rộng mạng lưới hợp tác với hơn 80 trường đại học, tổ chức giáo dục quốc tế.

- Hướng tới mục tiêu 100% sinh viên có tối thiểu một lần trao đổi học tập lấy tín chỉ tại nước ngoài trước khi tốt nghiệp và hơn 250 giảng viên tham gia trao đổi, nghiên cứu, học tập ngắn hạn tại nước ngoài.

- Tổ chức các hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

4. Hoạt động sinh viên và phát triển kỹ năng mềm:

- Tổ chức hơn 200 sự kiện ngoại khóa, hội trại, câu lạc bộ học thuật, thể thao và văn hóa



- Khuyến khích 100% sinh viên tham gia vào các hoạt động PDP - phát triển cá nhân
- Triển khai chương trình giáo dục khai phóng và kỹ năng nghề nghiệp hiện đại.

5. Gắn kết cộng đồng và phát triển bền vững:

- Thực hiện hơn 70 chương trình thiện nguyện, hoạt động cộng đồng tại các địa phương
- Tích hợp giáo dục phát triển bền vững vào chương trình đào tạo và hoạt động sinh viên
- Hưởng ứng và triển khai các hoạt động theo định hướng SDG (Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc).

6. Thành tích xếp hạng quốc tế nổi bật:

- Năm 2024, Trường Đại học FPT tiếp tục được Times Higher Education (THE) xếp hạng trong THE Impact Rankings 2024, bảng xếp hạng toàn cầu đo lường mức độ đóng góp của các cơ sở giáo dục đại học đối với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs).

- Trường được xếp hạng trong top 401-600 toàn cầu, với điểm số nổi bật ở các mục tiêu:

- SDG 4 – Giáo dục có chất lượng (101-200);
- SDG 11 – Thành phố và cộng đồng bền vững (101-200);
- SDG 16 – Hoà bình, công bằng và thể chế vững mạnh (101-200);
- SDG 17 – Quan hệ đối tác toàn cầu (601-800).

- Đây là năm thứ 3 liên tiếp Trường Đại học FPT góp mặt trong bảng xếp hạng uy tín này, cho thấy cam kết của nhà trường trong phát triển bền vững, đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Khắc Thành